

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Số: **11** /2014/QĐ - UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày **30** tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2012 - 2015 và giai đoạn 2016 – 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-UBND-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Liên bộ Ủy ban Dân tộc - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số 140/TTr-BDT ngày 25 tháng 4 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2012-2015 và giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, Thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP: Các PCVP UBND tỉnh, các CV;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoàng Anh

QUY ĐỊNH

Thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2012 - 2015 và giai đoạn 2016 – 2020 (gọi tắt là Chương trình 135)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 41 /2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2014 của UBND tỉnh Cao Bằng).

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy định này quy định việc quản lý, thực hiện hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu sau đây gọi tắt là (xã ĐBK), các thôn, bản đặc biệt khó khăn gọi tắt là (thôn ĐBK) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo quy định hiện hành, gồm: Nội dung và mức hỗ trợ đầu tư; lập kế hoạch đầu tư; quy trình lập, thẩm định, phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình; quản lý, sử dụng vốn, thanh toán, quyết toán vốn; quyền và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý, thực hiện hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã ĐBK, các thôn ĐBK trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến công tác quản lý, thực hiện hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã ĐBK, các thôn ĐBK trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Các nội dung khác về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã ĐBK, các thôn ĐBK trên địa bàn tỉnh Cao Bằng không quy định tại Quy định này thực hiện theo Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-UBND-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18/11/2013 hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã ĐBK, các thôn ĐBK và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

II. NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 2. Nguyên tắc quản lý

- Chương trình 135 được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, huy động đóng góp từ các doanh nghiệp, các chương trình dự án của các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức, cá nhân trong và

ngoài nước. UBND cấp tỉnh, huyện có trách nhiệm huy động nguồn lực và lồng ghép các chương trình, dự án để tổ chức thực hiện chương trình trên địa bàn.

- Thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135 phải đảm bảo tính công khai, dân chủ, có sự tham gia của người dân, phát huy tính sáng tạo, tự chủ của người dân và cộng đồng trong việc xây dựng, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, trong đó ưu tiên cho những công trình, dự án có tác động trực tiếp đến việc giảm nghèo, giải quyết các nhu cầu bức xúc ở cơ sở.

- Việc lập kế hoạch hàng năm và giai đoạn phải được lấy ý kiến từ dân và dựa trên nhu cầu của người dân, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và gắn với các tiêu chí nông thôn mới. Ở những xã đã có kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 5 năm và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, việc ưu tiên lựa chọn các dự án được hỗ trợ từ Chương trình 135 dựa trên kế hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và có sự tham gia của người dân.

- Thực hiện Chương trình ở tất cả các xã ĐBKK, thôn ĐBKK, đồng thời tập trung ưu tiên nguồn lực chỉ đạo điễm ở một số xã, thôn để rút kinh nghiệm nhân rộng mô hình.

- Nhà thầu thi công các công trình, dự án của Chương trình phải ưu tiên sử dụng lao động trong xã để gắn quyền lợi, trách nhiệm của người dân với công trình, đồng thời giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân trên địa bàn xã.

Điều 3. Nguồn vốn và phân bổ vốn

1. Nguồn vốn:

Chương trình 135 được đầu tư bằng nhiều nguồn:

- Vốn Ngân sách Trung ương (NSTU);
- Vốn Ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, ngân sách xã);
- Vốn lồng ghép từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và các Chương trình, dự án khác trên địa bàn;
- Vốn huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (không thu tiền của hộ nghèo và hộ cận nghèo).

2. Tiêu chí phân bổ vốn:

Việc lập dự toán, phân bổ vốn cho các xã, thôn, bản thuộc Chương trình 135 theo mức độ khó khăn (hệ số K) căn cứ vào tiêu chí, hướng dẫn của UBND tỉnh (có hướng dẫn riêng).

3. Thanh toán, quyết toán vốn đầu tư:

Tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước (NSNN) và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

Điều 4. Đối tượng hỗ trợ đầu tư

1. Đối với các xã, thôn:

- Đối tượng các xã thuộc diện được đầu tư theo Quyết định số 2405/QĐ-TTg, ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối tượng các thôn, bản thuộc diện được đầu tư theo Quyết định số 582/QĐ-UBND, ngày 18/12/2013 của Ủy ban Dân tộc.

2. Đối với các nhóm hộ, các hộ hưởng lợi:

Các nhóm hộ được hỗ trợ thực hiện Dự án phát triển sản xuất phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Các hộ tham gia phải được lựa chọn công khai, dân chủ từ thôn, bản trên cơ sở tự nguyện, gồm những hộ nghèo hơn được ưu tiên hỗ trợ đầu tư trước đến các hộ nghèo, cận nghèo và những hộ khác có uy tín đang sinh sống trên cùng địa bàn, có kinh nghiệm sản xuất, có khả năng hướng dẫn, giúp đỡ hộ nghèo, cận nghèo trong nhóm có cùng nguyện vọng phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo.

- Nhóm hộ từ 05 hộ trở lên, có 01 nhóm trưởng do các hộ bầu ra để quản lý, điều hành hoạt động của nhóm (ưu tiên phụ nữ làm trưởng nhóm); có cam kết hoặc nội quy hoạt động của nhóm quy định rõ về trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi và đóng góp (công lao động, vật tư, tiền,...) của từng thành viên trong nhóm để thực hiện kế hoạch sản xuất đã được xác định và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, nhằm tăng thu nhập, tạo việc làm cho các thành viên. Số lượng hộ không phải hộ nghèo trong nhóm không quá 20% tổng số hộ của nhóm, được sự đồng thuận của đa số hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia nhóm và do UBND xã ra quyết định phê duyệt danh sách.

Các hộ nghèo, cận nghèo theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015 (trong trường hợp có điều chỉnh chuẩn hộ nghèo thì áp dụng theo tiêu chuẩn mới).

Điều 5. Chủ đầu tư

Ủy ban nhân dân xã là chủ đầu tư dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

Điều 6. Nội dung và mức hỗ trợ

Căn cứ các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, định hướng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và nhu cầu của người dân, các xã lựa chọn nội dung phù hợp, thiết thực gắn với thị trường, có tính bền vững về thu nhập và an ninh lương thực để thực hiện xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; không nhất thiết phải thực hiện hỗ trợ tất cả các nội dung ở cùng một xã để tập trung nguồn vốn, tránh dàn trải; khuyến khích hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất được triển khai theo mô hình có hiệu quả tại xã.

Đối với những xã và đối tượng thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, nếu đang được hưởng các chính sách ưu đãi khác không trùng với các chính sách quy định tại Quyết định này thì tiếp tục hưởng các chính sách đó; nếu trùng với các chính sách trong Quyết định này nhưng với mức ưu đãi khác nhau thì hưởng theo chính sách có mức ưu đãi cao nhất.

Nội dung hỗ trợ cụ thể như sau:

1. Các nội dung hỗ trợ gián tiếp:

a) Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công (gọi tắt là khuyến nông). Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Mục đích: Giúp các hộ nghèo nâng cao kiến thức sản xuất, kiến thức về thị trường (trước hết là với các hạng mục sản xuất mà các hộ đã lựa chọn) để sản xuất có hiệu quả, nâng cao thu nhập.

- Các hoạt động được hỗ trợ:

+ Bồi dưỡng, tập huấn kỹ thuật trên hiện trường (theo chu trình của cây trồng và vật nuôi), bồi dưỡng, tập huấn về quản lý kinh tế trang trại/nông hộ;

+ Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo nghề cho người sản xuất để nâng cao kiến thức, kỹ năng sản xuất, quản lý kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp;

+ Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất tiên tiến.

b) Hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất hiệu quả, tiên tiến. Thực hiện theo Thông tư số 68/2013/TTLT-BTC-BLĐTĐBXH ngày 21 tháng 5 năm 2013 của liên bộ: Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Mục đích:

+ Xây dựng các mô hình tốt về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, bảo quản và chế biến nông sản, tiêu thụ nông sản có hiệu quả;

+ Tổ chức cho đối tượng trong (và ngoài) dự án tham quan, học tập những mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả để phổ biến, nhân rộng mô hình.

Để kết quả các mô hình được nhân rộng và đem lại lợi ích cho người nghèo, cần hỗ trợ những mô hình có quy mô nhỏ, chi phí đầu tư và rủi ro thấp để các hộ nghèo có thể áp dụng sau khi kết thúc dự án.

- Các hoạt động được hỗ trợ (áp dụng cho các hộ, nhóm hộ tham gia thực hiện mô hình):

+ Xây dựng mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở xã gắn với áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống, quy trình canh tác, chăn nuôi, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản;

+ Xây dựng mô hình kinh tế hợp tác giữa hộ, nhóm hộ với các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nông hội, nhà khoa học... trong sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản.

c) Hỗ trợ nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật cấp xã, huyện tham gia chỉ đạo, quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Thực hiện theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài Chính.

- Mục đích: giúp các cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nâng cao kiến thức về xây dựng và quản lý thực hiện dự án sản xuất theo phương pháp khuyến khích sự tham gia của hộ nghèo, cận nghèo trong quá trình xây dựng và thực hiện dự án phát triển sản xuất.

- Các hoạt động được hỗ trợ:

+ Bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao kiến thức, kỹ năng lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện dự án phát triển sản xuất, quản lý kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp;

+ Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất tiên tiến.

d) Nội dung chi:

- Giống, vật tư chính (thức ăn chăn nuôi, phân hoá học, thuốc thú y, bảo vệ thực vật, máy móc, thiết bị cần thiết cho xây dựng mô hình);

- Chi phí mua bản quyền, quy trình công nghệ mới;

- Biên soạn tài liệu đào tạo tập huấn (ngoài tài liệu của Trung ương đã biên soạn);

- In tài liệu đào tạo tập huấn;

- Thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập;

- Trả thù lao cho giảng viên, chuyên gia;

- Hỗ trợ cho hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật;

- Hỗ trợ tiền nước uống, văn phòng phẩm, tài liệu, tiền ăn, tiền đi lại, tiền ngủ (nếu phải nghỉ qua đêm) cho học viên trong thời gian tập huấn;

- Hỗ trợ tham quan, học tập mô hình sản xuất tiên tiến: Tiền tàu, xe đi và về; tiền ăn trong thời gian tham quan, học tập; tiền thuê phòng nghỉ (nếu phải nghỉ qua đêm).

2. Các nội dung hỗ trợ trực tiếp:

Thực hiện theo Thông tư số 68/2013/TTLT-BTC-BLĐTĐBXH ngày 21 tháng 5 năm 2013 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

a) Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư sản xuất:

Giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản loại tốt, có giá trị kinh tế cao trên thị trường theo nguyện vọng của người dân nằm trong danh mục đã được các hộ đăng ký trong dự án và vật tư chủ yếu phù hợp với hạng mục sản xuất trong dự án (thức ăn chăn nuôi, phân hoá học, thuốc thú y, bảo vệ thực vật, vắc xin tiêm phòng các bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm).

b) Hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, lò sấy nông lâm sản và mua sắm trang thiết bị máy móc, công cụ sản xuất, chế biến bảo quản sản phẩm nông nghiệp sau thu hoạch.

Hỗ trợ kinh phí mua máy móc, thiết bị cơ khí hoặc bán cơ khí phục vụ sản xuất (máy cày, bừa, bơm nước; máy tuốt lúa...), và phục vụ chế biến, bảo quản nông sản (máy sấy, máy thái trộn thức ăn chăn nuôi,...); ưu tiên hỗ trợ những trang thiết bị, máy, công cụ sử dụng được nguồn nguyên liệu sẵn có và đang có nhu cầu cao của địa phương.

Khi hỗ trợ cần kết hợp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật theo hình thức lớp học hiện trường.

c) Một số quy định đối với giống gia súc, gia cầm:

- Công tác thú y:

+ Tất cả các loại gia súc, gia cầm khi mua phải khoẻ mạnh, từ vùng không có dịch.

+ Các loại gia súc, gia cầm mua ngoài tỉnh, huyện phải có giấy chứng nhận kiểm dịch, giấy chứng nhận tiêm phòng vắc xin (chưa qua 6 tháng) tụ huyết trùng, lở mồm, long móng đối với trâu, bò và bệnh dịch tả, suyễn đối với lợn; đậu, lở xanh đối với dê. Trường hợp gia cầm mua ngoài tỉnh với số lượng lớn phải mua với cơ sở có giấy phép kinh doanh sản xuất con giống.

- Quy định về giống, tuổi, trọng lượng đối với trâu, bò, dê:

+ Về tuổi: Trâu, bò từ 12 tháng tuổi trở lên.

+ Trọng lượng: Trâu từ 140kg/con trở lên; bò vàng từ 120 kg/con trở lên, bò lai nhóm Zêbu từ 150kg trở lên; dê từ 20 kg/con trở lên.

- Hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật cho các hộ để sử dụng thành thạo các loại trang thiết bị, máy, công cụ; sử dụng các loại giống, vật tư theo qui trình sản xuất. Hoạt động hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật trên được thực hiện tương tự theo khoản 1, Điều 6 của Quy định này.

3. Mức hỗ trợ:

- Giai đoạn 2014-2015:

+ Mức hỗ trợ một hộ: 7.000.000 đồng/hộ nghèo; 5.600.000 đồng/ hộ cận nghèo (bằng 80% mức hộ nghèo);

+ Hộ không thuộc hộ nghèo tham gia nhóm hộ được hỗ trợ không quá 3.000.000 đồng;

+ Hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, hỗ trợ bảo quản và chế biến nông lâm sản, 2 triệu đồng/hộ; cải tạo ao nuôi thủy sản 1,5 triệu đồng/hộ, với điều kiện ao có diện tích mặt nước từ 100m² trở lên).

- Giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh sẽ có văn bản hướng dẫn sau.

Điều 7. Trách nhiệm của các bên liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc hướng dẫn UBND huyện xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất dài hạn và hàng năm phù hợp với quy hoạch nông thôn mới, định hướng phát triển sản xuất trên địa bàn, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Quy trình, biểu mẫu thực hiện theo Thông tư 12/2009/TT-BNN ngày 06/3/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các văn bản hướng dẫn khác (nếu có).

2. Ủy ban nhân dân xã:

- Chỉ đạo trưởng thôn hoặc liên thôn tổ chức họp dân thông báo nội dung, đối tượng thụ hưởng, mức vốn hỗ trợ cho thôn của Chương trình 135, các nguồn vốn được vay theo chính sách hiện hành, vốn huy động khác; thông tin thị trường, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã để người dân thảo luận, lựa

chọn các nội dung hỗ trợ; trường thôn tổng hợp, báo cáo nội dung đã được xác định với chủ đầu tư;

- Cử cán bộ trực tiếp hướng dẫn các thôn, bản thực hiện dự án.

- Lập kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất hàng năm và giai đoạn; phê duyệt kế hoạch trên cơ sở thẩm định của Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện.

3. Ủy ban nhân dân huyện:

- Giao Phòng Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Phòng Dân tộc tổng hợp, thẩm định kế hoạch hàng năm và cả giai đoạn của các xã trên địa bàn báo cáo UBND huyện, Ban Dân tộc và Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Phân công cán bộ chuyên môn hỗ trợ và giám sát các xã thực hiện dự án.

Điều 8. Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch và thực hiện

Bước 1: Tổ chức họp thôn và tổng hợp nhu cầu

- Đối với các xã chưa có kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn và hàng năm, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất được lập có sự tham gia của người dân, UBND xã (chủ đầu tư) xác định nhu cầu của người dân thông qua tổ chức họp thôn tại các thôn hưởng lợi. Nội dung cuộc họp thôn gồm:

+ Thông báo các nội dung, đối tượng thụ hưởng và mức vốn hỗ trợ cho các hộ trong thôn của Chương trình 135, cung cấp các thông tin về định hướng phát triển nông, lâm nghiệp của huyện, xã, các nguồn vốn và thông tin thị trường để các thôn tổ chức rà soát nhu cầu lập kế hoạch.

+ Xác định và phân tích các nhu cầu phát triển nông, lâm nghiệp của người dân trong thôn để lựa chọn nội dung hỗ trợ khả thi nhất và có tiềm năng, lợi thế đem lại lợi ích cho nhiều người nghèo nhất cho giai đoạn, xác định ưu tiên cho từng năm.

- Đối với các xã đã có kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội có sự tham gia của người dân theo giai đoạn và cho từng năm, chủ đầu tư rà soát lại nhu cầu của thôn được hưởng lợi và tổng hợp thành kế hoạch thực hiện hợp phần sản xuất Chương trình 135 theo giai đoạn và từng năm của xã.

Bước 2: Tổng hợp kế hoạch thực hiện dự án sản xuất theo giai đoạn và hàng năm cấp xã

Dựa trên nhu cầu của các thôn (từ kết quả họp thôn hoặc từ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được cấp thẩm quyền phê duyệt), xem xét các nhu cầu phát triển nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở, cũng như các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ở cấp xã. Chủ đầu tư tổng hợp dự thảo kế hoạch giai đoạn và kế hoạch hàng năm và khái toán ngân sách cho từng hoạt động.

Bước 3: Tổ chức cuộc họp mở rộng ở cấp xã

Chủ đầu tư tổ chức cuộc họp ở cấp xã với sự tham gia của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, các ban, ngành, đoàn thể và các trường thôn trình bày dự thảo kế hoạch giai đoạn, thống nhất các nội dung hỗ trợ thôn sẽ được hưởng lợi trong từng năm, kèm theo dự kiến ngân sách hỗ trợ.

Bước 4: Hoàn thiện kế hoạch giai đoạn và kế hoạch năm trình UBND huyện

Ủy ban nhân dân xã hoàn thiện kế hoạch theo giai đoạn và kế hoạch năm trình UBND huyện tổng hợp.

Từ năm 2015 trở đi, việc tổ chức các cuộc họp thôn, cung cấp các thông tin định hướng, lựa chọn hoạt động được hỗ trợ cũng như bình bầu các thành viên được tham gia và hưởng lợi sẽ được lồng ghép vào quá trình lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội có sự tham gia của người dân, theo Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2012-2015 và 2016- 2020.

Bước 5: Thẩm định kế hoạch

Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp, thẩm định kế hoạch giai đoạn và kế hoạch hàng năm của các xã báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Dân tộc các nội dung hỗ trợ đầu tư.

Bước 6: Thực hiện kế hoạch

Lập kế hoạch và dự toán chi tiết sau khi UBND huyện phản hồi kế hoạch được thẩm định và phê duyệt. UBND xã điều chỉnh kế hoạch (nếu cần thiết) và thông báo cho các thôn nếu có điều chỉnh. Cử cán bộ thúc đẩy xóm, xác định các hoạt động và lập dự toán chi tiết.

Kế toán xã tổng hợp kế hoạch và dự toán chi tiết trình UBND xã phê duyệt trước khi công khai.

(Các mẫu biểu áp dụng theo Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình 135).

Điều 9. Các điều kiện thanh toán vốn

1. Quy định về hoá đơn thanh toán: Đối với vật tư, giống, máy móc công cụ,... nếu mua của các công ty hoặc hộ kinh doanh thì bắt buộc phải có hoá đơn theo quy định hiện hành. Trường hợp mua bán trong dân thì phải có giấy biên nhận mua bán của hộ, có xác nhận của trưởng thôn và chủ tịch UBND xã. Nếu danh mục hàng hoá mua sắm không có trong thông báo giá của Sở Tài chính, đơn vị thực hiện trình duyệt giá với Sở Tài chính.

2. Giá mua sắm:

a) Các hàng hoá không cần trình duyệt giá:

- Các mặt hàng có tên trong danh mục thông báo giá hàng quý của Sở Tài chính.

- Các hàng hoá mua sắm thông qua đấu thầu, chào hàng cạnh tranh.

b) Các mặt hàng cần trình duyệt giá: Các mặt hàng không thuộc quy định tại điểm a khoản 2 trên đây thì chủ đầu tư gửi tờ trình kèm thông báo giá của đơn vị cung ứng hàng hoá, gửi đến Sở Tài chính để trình duyệt giá.

Điều 10. Thủ tục tạm ứng, thanh toán vốn qua Kho bạc nhà nước (KBNN)

1. Tài liệu làm căn cứ kiểm soát thanh toán:

a) Tài liệu gửi 01 lần: Những tài liệu gửi một lần phải là bản chính hoặc bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư.

Tài liệu do chủ đầu tư gửi đến Kho bạc Nhà nước và chỉ gửi một lần cho cả quá trình thực hiện dự án trừ trường hợp có bổ sung, điều chỉnh.

- Tài liệu mở tài khoản (thủ tục mở tài khoản được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và hướng dẫn mở tài khoản của KBNN nơi chủ đầu tư mở tài khoản).

- Quyết định giao làm chủ đầu tư của cấp có thẩm quyền;
- Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi tiết từng nội dung công việc tương ứng;
- Danh sách các hộ thuộc diện được hỗ trợ được cấp thẩm quyền phê duyệt;
- Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

b) Tài liệu bổ sung hàng năm:

Kế hoạch vốn được giao hàng năm.

2. Hồ sơ tạm ứng:

Ngoài tài liệu của dự án theo quy định tại khoản 1, Điều 10 của Quy định này, khi tạm ứng vốn, chủ đầu tư còn gửi đến KBNN các tài liệu sau:

- Giấy rút dự toán ngân sách;
- Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (nếu trong Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu có thoả thuận bảo lãnh tạm ứng) gửi bản sao có dấu sao y bản chính của chủ đầu tư.

3. Hồ sơ thanh toán:

Ngoài tài liệu của dự án theo quy định tại khoản 1, Điều 10 của Quy định này, khi thanh toán khối lượng hoàn thành, chủ đầu tư còn gửi đến KBNN các tài liệu sau:

- Các biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, bảng kê chứng từ;
- Giấy rút dự toán ngân sách.

Trường hợp dự án được thực hiện theo hình thức tự thực hiện dự án: Chủ đầu tư gửi đến KBNN văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện dự án (nếu có quyết định riêng) hoặc trong quyết định đầu tư dự án; văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ.

II. DỰ ÁN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

Điều 11. Công trình đầu tư

1. Công trình đầu tư tại xã, thôn ĐBKK:

- Hoàn thiện hệ thống đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh;
- Hoàn thiện hệ thống các công trình bảo đảm cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh;
- Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hoá trên địa bàn xã gồm: Trạm chuyển tiếp phát thanh xã; nhà văn hoá, nhà sinh hoạt cộng đồng ở xã, thôn, bản;

- Hoàn thiện hệ thống các công trình để bảo đảm chuẩn hoá trạm y tế xã;
- Hoàn thiện hệ thống các công trình để bảo đảm chuẩn hoá giáo dục trên địa bàn xã; xây dựng trường, lớp và nhà ở giáo viên, trang bị bàn ghế, điện, nước sinh hoạt, công trình phụ;
- Cải tạo, xây mới hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã, thôn, bản;
- Các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất phù hợp với phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Các công trình đầu tư có sử dụng trên 50% nguồn vốn từ Chương trình 135 phải gắn biển ghi tên công trình thuộc Chương trình 135 và các thông tin cơ bản của đơn vị chủ đầu tư, đơn vị thi công, tổng vốn đầu tư, thời gian khởi công và hoàn thành.

Điều 12. Cấp quyết định đầu tư

Ủy ban nhân dân huyện là cấp quyết định đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135.

Điều 13. Chủ đầu tư

- Công trình đầu tư có tính liên hoàn, sử dụng trên phạm vi liên xã có tổng mức đầu tư từ 3 tỷ trở lên do UBND huyện làm chủ đầu tư;

- Công trình có tổng mức đầu tư dưới 3 tỷ giao cho UBND xã làm chủ đầu tư. Trong trường hợp xã có khó khăn trong việc làm chủ đầu tư, UBND huyện có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn giúp xã hoặc tham gia ban quản lý dự án cấp xã để xã có đủ điều kiện, năng lực làm chủ đầu tư.

Trong trường hợp xã không đủ điều kiện làm chủ đầu tư, UBND xã báo cáo UBND huyện bằng văn bản để UBND huyện trực tiếp làm chủ đầu tư hoặc giao cho ban quản lý dự án huyện làm chủ đầu tư.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư có thể uỷ quyền cho ban quản lý dự án thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư, trừ các nội dung sau: Phê duyệt nhiệm vụ thiết kế công trình, phê duyệt thiết kế công trình làm cơ sở đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình, phê duyệt kết quả đấu thầu và lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu hoặc phê duyệt kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng. Nhiệm vụ của chủ đầu tư và ban quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Điều 14. Lập, phê duyệt kế hoạch đầu tư

1. Cấp xã:

- Quý II hằng năm, căn cứ đối tượng công trình được đầu tư tại xã, thôn ĐBKK (tại khoản 1, Điều 11, mục II Quy định này) và danh mục công trình nằm trong kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, đề án xây dựng nông thôn mới của xã, UBND xã thông báo và tổ chức họp dân từng thôn, bản cùng với các tổ chức đoàn thể xã hội đề ra soát lựa chọn, sắp xếp thứ tự ưu tiên, xác định công trình cụ thể vào kế hoạch thực hiện năm sau, tổng hợp kế hoạch, thông qua thường trực HĐND xã, trình UBND huyện phê duyệt.

- Căn cứ danh mục công trình đã được UBND huyện phê duyệt, chủ đầu tư lập hoặc thuê tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình, kèm theo kế hoạch đầu thầu trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt.

2. Cấp huyện:

- Trên cơ sở đề xuất của các xã, UBND huyện tổng hợp danh mục công trình và phân bổ vốn đầu tư cho các xã, thôn thuộc Chương trình 135 theo văn bản hướng dẫn của tỉnh. Huy động nguồn vốn để lập kế hoạch đầu tư công trình trên địa bàn huyện năm sau (gồm danh mục và thông tin chủ yếu về công trình đủ điều kiện để lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

- Tổng hợp, gửi danh mục công trình đầu tư về Cơ quan thường trực Chương trình 135 cấp tỉnh (Ban Dân tộc tỉnh) để xem xét có ý kiến trước khi phê duyệt.

3. Cơ quan thường trực Chương trình 135 cấp tỉnh:

Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xem xét, thẩm định nguồn vốn, sự phù hợp Kế hoạch đầu tư công trình với các nguyên tắc quy định tại điều 2, Chương I, Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-UBDT-NNPTNT-KHĐT-TC-XD và có ý kiến bằng văn bản gửi đơn vị thực hiện chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 15. Quy trình thực hiện đầu tư xây dựng công trình

1. Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật (BCKTKT) xây dựng công trình:

a) Lập BCKTKT:

- Kinh phí lập BCKTKT được bố trí trong kế hoạch năm từ nguồn kinh phí đầu tư cho dự án thuộc Chương trình 135; hằng năm, chủ đầu tư cần dành một phần vốn bố trí chuẩn bị đầu tư các dự án mới cho năm sau, đảm bảo quy định các dự án khởi công mới có quyết định phê duyệt trước 25/10 năm trước năm kế hoạch.

- Công trình thuộc dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã, thôn thuộc Chương trình 135 có thời gian thực hiện không quá 02 năm hoặc có giá trị công trình dưới 3 tỷ đồng (không bao gồm tiền sử dụng đất) chỉ cần lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt BCKTKT; đối với công trình có mức vốn đầu tư từ 3 tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng (không bao gồm tiền sử dụng đất) hoặc có yêu cầu kỹ thuật cao (do chủ đầu tư quyết định), chủ đầu tư phải lập BCKTKT và trình UBND huyện phê duyệt sau khi đã thẩm tra thiết kế, thẩm định nguồn vốn theo quy định về thẩm định, phê duyệt BCKTKT được nêu tại điểm b, khoản 1 Điều này.

- Nội dung BCKTKT xây dựng công trình gồm: Sự cần thiết đầu tư, mục tiêu xây dựng công trình; địa điểm xây dựng; quy mô, công suất; cấp công trình; nguồn kinh phí xây dựng công trình; thời hạn xây dựng; hiệu quả công trình; phòng, chống cháy, nổ; bản vẽ thiết kế thi công và dự toán công trình.

- Trong quá trình lập BCKTKT các công trình cơ sở hạ tầng, chủ đầu tư phải lấy ý kiến của cộng đồng (những người hưởng lợi trực tiếp và có trách nhiệm đóng góp xây dựng công trình) về các nội dung đầu tư và cơ chế huy động nguồn lực đầu tư thực hiện dự án;

- BCKTKT xây dựng công trình và Kế hoạch đấu thầu do chủ đầu tư tự lập hoặc lựa chọn tổ chức, đơn vị có đủ năng lực thực hiện;

- Quản lý chi phí đầu tư công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135 thực hiện theo hướng dẫn riêng (nếu có), trong trường hợp không có hướng dẫn riêng thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Thẩm định, phê duyệt BCKTKT:

- Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định (hoặc thuê tư vấn thẩm tra) thiết kế bản vẽ thi công và dự toán trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt BCKTKT đầu tư xây dựng công trình; đối với công trình thuộc đối tượng phải thẩm tra thiết kế theo quy định tại điều 21, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ, chủ đầu tư phải gửi hồ sơ thẩm tra thiết kế về cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành theo Quy định của UBND tỉnh về phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng, trước khi thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán.

- Đối với công trình thuộc dự án đầu tư cơ sở hạ tầng có giá trị công trình dưới 3 tỷ đồng, UBND huyện giao cho cơ quan chuyên môn tổ chức thẩm định BCKTKT, thẩm định nguồn vốn trước khi phê duyệt.

- Đối với công trình có mức vốn đầu tư từ 3 tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng có lồng ghép nhiều nguồn vốn, chủ đầu tư căn cứ kết quả thẩm định BCKTKT của phòng chuyên môn cấp huyện, lập hồ sơ thẩm định nguồn vốn gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định nguồn vốn trước khi UBND huyện phê duyệt;

- Thời gian thẩm định BCKTKT: Không quá 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các công trình do huyện làm chủ đầu tư; không quá 07 ngày làm việc, đối với các công trình do xã làm chủ đầu tư; thời gian thẩm định vốn không quá 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.

- Hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt BCKTKT: Tờ trình xin phê duyệt của chủ đầu tư, gồm các nội dung: Tên dự án, chủ đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô và địa điểm xây dựng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư, phương án huy động vốn đầu tư, thời gian khởi công và hoàn thành, các nội dung khác (nếu thấy cần giải trình); thuyết minh BCKTKT, bản vẽ thiết kế thi công, dự toán và kế hoạch đấu thầu; các văn bản pháp lý có liên quan.

- Hồ sơ thẩm định vốn gồm: Báo cáo thẩm định vốn của chủ đầu tư (theo mẫu quy định tại Văn bản số 7356/BKHĐT-TH, ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư), văn bản thẩm định BCKTKT của cơ quan chuyên môn, quyết định giao chỉ tiêu vốn hàng năm.

- Nội dung thẩm định BCKTKT, gồm:

+ Sự phù hợp của công trình với quy hoạch phát triển nông thôn mới, phù hợp với kế hoạch tổng thể chung phát triển cơ sở hạ tầng của xã;

+ Tính khả thi về kỹ thuật, khả năng giải phóng mặt bằng, khả năng huy động vốn đáp ứng tiến độ dự án, các yếu tố có thể ảnh hưởng đến dự án;

+ Xem xét tính hợp lý của chi phí công trình (so sánh với giá cả của huyện, xã so sánh với các công trình, dự án tương tự).

2. Thực hiện đầu tư xây dựng công trình:

Chủ đầu tư trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu và phải thông báo công khai việc tổ chức đấu thầu, chỉ định thầu bằng một trong các phương tiện: Đài truyền hình, đài truyền thanh huyện, niêm yết thông báo công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hoá thôn, chợ, họp dân trước ít nhất 15 ngày phát hành Hồ sơ mời thầu hoặc Hồ sơ yêu cầu.

a) Lựa chọn nhà thầu xây dựng thực hiện theo 3 hình thức sau:

- Giao cộng đồng dân cư (những người hưởng lợi trực tiếp từ công trình) tự thực hiện xây dựng;

- Lựa chọn nhóm thợ, cá nhân (ưu tiên trong xã) đủ năng lực để thực hiện;

- Lựa chọn nhà thầu thông qua các hình thức đấu thầu;

b) Các trường hợp thực hiện chỉ định thầu và đấu thầu:

- Các trường hợp được phép chỉ định thầu:

+ Gói thầu có tổng mức đầu tư dưới 3 tỷ đồng;

+ Gói thầu thực hiện cấp bách để khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ;

+ Gói thầu đã tổ chức đấu thầu nhưng chỉ có một nhà thầu tham gia;

+ Gói thầu thực hiện bằng hình thức khoán gọn theo đơn vị sản phẩm (ví dụ như: triệu đồng/km, m²) nhằm huy động sức lao động của dân, do dân tự tổ chức thực hiện, Ngân sách Nhà nước hỗ trợ dưới 70% số vốn đầu tư, có báo cáo KT-KT đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Các trường hợp đấu thầu:

+ Gói thầu xây lắp hoặc gói thầu xây lắp có kết hợp mua sắm hàng hoá có giá từ 3 tỷ đồng trở lên tổ chức đấu thầu theo Luật Đấu thầu (theo các văn bản hướng dẫn hiện hành);

+ Gói thầu xây lắp có giá gói thầu dưới 3 tỷ đồng thực hiện theo hình thức như sau:

Gói thầu xây lắp có giá trị dưới 500 triệu đồng thuộc dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện theo hình thức giao cho cộng đồng dân cư, lựa chọn nhóm thợ trong xã. Chủ đầu tư thông báo cho nhân dân trong xã biết để cộng đồng, nhóm thợ đăng ký tham gia thực hiện. Trường hợp có nhiều nhóm cộng đồng, nhóm thợ cùng đăng ký tham gia thì chủ đầu tư tổ chức họp các nhóm đã đăng ký để công khai lựa chọn, dựa vào các tiêu chí giá cả, tiến độ và chất lượng đáp ứng tốt nhất theo hồ sơ thiết kế và dự toán công trình để phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; nếu hết thời hạn thông báo (do chủ đầu tư quy định) chỉ có 01 nhóm cộng đồng hoặc 01 nhóm thợ trong xã tham gia thì chủ đầu tư giao cho nhóm đó thực hiện. Trường hợp không có nhóm cộng đồng, nhóm thợ trong xã tham gia thì Chủ đầu tư lựa chọn một nhà thầu có năng lực phù hợp để đàm phán, ký hợp đồng thực hiện;

Gói thầu xây lắp hoặc gói thầu xây lắp kết hợp mua sắm hàng hoá (trạm bơm có cả thiết bị, trạm biến áp điện,...) có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 3 tỷ đồng thì tổ chức lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu (ưu tiên nhà thầu sử dụng lao động xã).

c) Quy trình lựa chọn nhà thầu:

- Hình thức đấu thầu: Theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Hình thức chỉ định thầu:

+ Thông báo công khai về việc tổ chức lựa chọn nhà thầu, địa điểm, thời gian phát hành hồ sơ yêu cầu;

+ Lập hồ sơ yêu cầu và phát hành hồ sơ yêu cầu;

+ Chuẩn bị hồ sơ đề xuất;

+ Đánh giá, xem xét hồ sơ đề xuất;

+ Trình duyệt, thẩm định và phê duyệt kết quả chọn nhà thầu;

+ Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng.

- Hình thức giao cho cộng đồng dân cư, lựa chọn nhóm thợ trong xã:

Chủ đầu tư có thể áp dụng quy trình theo cuốn Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình 135.

d) Phê duyệt kết quả đấu thầu

Chủ tịch UBND huyện phê duyệt kết quả đấu thầu các gói thầu theo đề nghị của chủ đầu tư (trừ gói thầu xây lắp có giá dưới 500 triệu do chủ đầu tư phê duyệt). Chủ đầu tư phê duyệt kết quả chỉ định thầu và các gói thầu được uỷ quyền.

Điều 16. Giám sát hoạt động xây dựng

- Giám sát của Chủ đầu tư: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện giám sát thi công, trách nhiệm giám sát của chủ đầu tư thực hiện theo Điều 24, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Giám sát cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế giám sát đầu tư cộng đồng và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Bộ kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng. Kinh phí hoạt động của Ban giám sát đầu tư cộng đồng được thực hiện theo quy định tại Phần IV, Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/12/2006.

Những công trình đầu tư có quy mô nhỏ (có giá trị dưới 500 triệu đồng), thiết kế kỹ thuật đơn giản mà chủ đầu tư giao cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình; ban giám sát đầu tư của cộng đồng được hưởng định mức chi phí giám sát thi công xây dựng công trình, tối đa không vượt định mức giám sát thi công xây dựng công trình do UBND cấp tỉnh quy định; trường hợp UBND cấp tỉnh chưa quy định định mức giám sát thi công công trình xây dựng thì được áp dụng định mức do Bộ Xây dựng công bố.

Điều 17. Nghiệm thu, bàn giao, quản lý, khai thác công trình

- Nghiệm thu công trình: Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành, thành phần nghiệm thu gồm:

- + Đại diện chủ đầu tư;
- + Đại diện tổ chức tư vấn lập BCKTKT;
- + Đại diện tổ chức, đơn vị thi công;
- + Đại diện giám sát của chủ đầu tư (hoặc tư vấn giám sát), đại diện giám sát cộng đồng;
- + Đại diện tổ chức, cá nhân quản lý sử dụng công trình;
- + Đại diện cộng đồng dân cư hưởng lợi công trình.

Tuỳ từng trường hợp cụ thể, chủ đầu tư có thể mời thêm thành phần có liên quan tham gia nghiệm thu.

Đối với công trình thuộc đối tượng phải thẩm tra thiết kế (đồng thời là đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu) theo quy định tại Điều 21, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP của Chính phủ, chủ đầu tư phải báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành theo Quy định của UBND tỉnh về phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định.

- Bàn giao quản lý, khai thác công trình: Sau khi nghiệm thu, chủ đầu tư bàn giao công trình cho UBND xã để giao cho tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý sử dụng (cử đại diện bàn giao tay ba: Đại diện chủ đầu tư - bên thi công - tổ chức, cá nhân hưởng lợi) và bàn giao ít nhất 01 bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công trình cho UBND xã (trừ công trình điện giao cho ngành điện lực quản lý); thông báo công khai giá trị công trình được quyết toán tới người dân.

Điều 18. Thủ tục tạm ứng, thanh toán vốn qua Kho bạc nhà nước

1. Tài liệu làm căn cứ kiểm soát thanh toán:

a) Tài liệu gửi 01 lần: Những tài liệu gửi một lần phải là bản chính hoặc bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư.

Tài liệu do chủ đầu tư gửi đến KBNN và chỉ gửi một lần cho cả quá trình thực hiện dự án trừ trường hợp có bổ sung, điều chỉnh.

- Tài liệu mở tài khoản (thủ tục mở tài khoản được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và hướng dẫn mở tài khoản của KBNN nơi chủ đầu tư mở tài khoản).

- Quyết định phê duyệt BCKTKT, dự toán của cấp có thẩm quyền.

- Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

- Các dự án khởi công mới phải có ý kiến thẩm định nguồn vốn của cấp có thẩm quyền, theo Chỉ thị 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

- Các dự án khởi công mới được phân bổ vốn và thanh toán vốn khi có Quyết định đầu tư trước ngày 25/10 năm trước năm kế hoạch.

b) Tài liệu bổ sung hàng năm:

Kế hoạch vốn được giao hàng năm.

2. Hồ sơ tạm ứng:

Ngoài tài liệu của dự án theo quy định tại khoản 1, Điều 18 của Quyết định này, khi tạm ứng vốn, chủ đầu tư còn gửi đến KBNN các tài liệu sau:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;
- Giấy rút vốn đầu tư;
- Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (nếu trong Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu có thoả thuận bảo lãnh tạm ứng) gửi bản sao có dấu sao y bản chính của chủ đầu tư.
- Quy định mức tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng, thu hồi và thời điểm thu hồi tạm ứng thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Hồ sơ thanh toán:

Ngoài tài liệu của dự án theo quy định tại khoản 1, Điều 18 của Quyết định này, khi thanh toán khối lượng hoàn thành, chủ đầu tư còn gửi đến KBNN các tài liệu sau:

a) Trường hợp thanh toán theo hợp đồng:

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;
- Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có);
- Giấy rút vốn đầu tư;

Khi có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, ngoài các tài liệu trên và dự toán bổ sung, phụ lục bổ sung hợp đồng, chủ đầu tư còn gửi đến KBNN: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu.

b) Trường hợp thanh toán không theo hợp đồng:

- Quyết định phê duyệt Dự toán chi tiết cho từng công việc;
- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;
- Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có);
- Giấy rút vốn đầu tư.

c) Trường hợp dự án được thực hiện theo hình thức tự thực hiện dự án: Chủ đầu tư gửi đến KBNN văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện dự án (nếu có quyết định riêng) hoặc trong quyết định đầu tư dự án; văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ.

Điều 19. Công tác duy tu, bảo dưỡng công trình

1. Công tác duy tu, bảo dưỡng công trình thực hiện theo quy định tại Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 02/2012/TT-BXD ngày 12/6/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về bảo trì công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thông tư số

52/2013/TT-BGTVT ngày 12/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải về quản lý, khai thác và bảo trì đường bộ; Quy định về bảo trì công trình xây dựng của tỉnh và một số quy định cụ thể sau:

- Những công trình hạ tầng có tính chất sử dụng cho khu vực liên xã, không do UBND xã quản lý thì việc duy tu, bảo dưỡng do các đơn vị được giao quản lý thực hiện từ nguồn kinh phí duy tu, bảo dưỡng hàng năm.

- Những công trình và hạng mục công trình phục vụ kinh doanh dịch vụ hoặc phục vụ lợi ích cho hộ và nhóm hộ do người sử dụng quản lý, tự duy tu, bảo dưỡng.

- Những công trình hạ tầng phục vụ lợi ích chung trong phạm vi xã, thôn (kể cả những công trình hạ tầng được đầu tư bằng nguồn vốn không thuộc Chương trình 135) do cấp có thẩm quyền giao cho UBND xã quản lý được sử dụng vốn hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng của Chương trình 135 và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện.

2. Cách thức tổ chức thực hiện:

Hàng năm, UBND xã lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng các công trình do xã quản lý, sử dụng, trình UBND huyện phê duyệt. Vốn duy tu, bảo dưỡng được giao thành một khoản riêng trong ngân sách của xã. UBND xã là chủ đầu tư nguồn vốn duy tu, bảo dưỡng của xã, trên cơ sở vốn được phân bổ, giao cho ban quản lý dự án xã (nếu có) hoặc thôn có công trình duy tu, bảo dưỡng lập dự toán chi tiết theo các nguồn vốn: Hỗ trợ của ngân sách nhà nước, huy động, vật tư, lao động trong cộng đồng trình chủ đầu tư phê duyệt. Giá cả vật tư, lao động được tính theo mặt bằng giá tại khu vực xã do chủ đầu tư quyết định. Tùy theo tính chất công việc, trường thôn tổ chức nhân dân trong thôn tự duy tu, bảo dưỡng hoặc thành lập tổ, nhóm duy tu, bảo dưỡng. Chủ đầu tư ký hợp đồng và tổ chức nghiệm thu, thanh toán với đại diện tổ nhóm thực hiện có xác nhận của trưởng thôn.

Trên cơ sở kế hoạch chi tiết công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình hàng năm do UBND xã quản lý, định kỳ hằng tháng, quý, UBND xã báo cáo quá trình thực hiện (ước khối lượng hoàn thành, tiến độ giải ngân, khó khăn vướng mắc) công tác duy tu, bảo dưỡng từng công trình về UBND huyện tổng hợp, báo cáo Ban Dân tộc tỉnh để theo dõi. Các xã không đủ năng lực, trong quá trình thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng không báo cáo đầy đủ, kịp thời sẽ không giao nguồn kinh phí duy tu, bảo dưỡng hàng năm và thống nhất giao các phòng, ban chuyên môn của huyện tập trung quản lý, triển khai thực hiện.

III. TỔ CHỨC QUẢN LÝ DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH

Điều 20. Ban quản lý dự án

1. Chủ đầu tư quyết định thành lập ban quản lý dự án hoặc thuê tổ chức tư vấn (nếu cần thiết) để giúp chủ đầu tư quản lý điều hành dự án.

2. Trường hợp chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn quản lý điều hành dự án thì cá nhân, tổ chức tư vấn đó phải có đủ điều kiện, năng lực quản lý phù hợp với quy mô, tính chất của dự án. Trách nhiệm và quyền hạn của tư vấn quản lý dự án được thực hiện theo hợp đồng thoả thuận giữa hai bên. Khi áp dụng hình thức thuê tư vấn quản lý dự án, chủ đầu tư vẫn phải sử dụng các đơn vị chuyên môn

thuộc bộ máy quản lý của mình hoặc chỉ định một đầu mối để kiểm tra theo dõi việc thực hiện hợp đồng tư vấn quản lý dự án.

3. Trường hợp chủ đầu tư thành lập ban quản lý dự án thì nhiệm vụ, quyền hạn của ban quản lý dự án do chủ đầu tư giao hoặc uỷ quyền cho ban quản lý dự án thực hiện một phần nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư. Việc thành lập ban quản lý dự án thực hiện như sau:

- Xã làm chủ đầu tư: Sử dụng ban quản lý dự án chung của xã để thực hiện. Ban quản lý dự án có tư cách pháp nhân, được phép mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện và sử dụng con dấu của UBND xã để giao dịch. Thành phần ban quản lý dự án gồm: Trưởng ban là Chủ tịch UBND xã (hoặc Phó Chủ tịch UBND xã) làm việc kiêm nhiệm; kế toán; các thành viên khác gồm một số cán bộ đại diện các ban, ngành trong xã, trưởng thôn, một số hộ đại diện cho cộng đồng dân cư trong xã (do cộng đồng dân cư đề cử).

- Cấp huyện làm chủ đầu tư: UBND huyện thành lập ban quản lý dự án hoặc giao cho ban quản lý dự án đã có thực hiện. Ban quản lý dự án huyện được mở tài khoản tại KBNN tỉnh, huyện và có con dấu riêng.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư và ban quản lý dự án trong trường hợp chủ đầu tư thành lập ban quản lý dự án

Nhiệm vụ của chủ đầu tư và ban quản lý dự án: Thực hiện theo quy định tại Điều 34, Mục 4, Chương III, Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

Điều 22. Nhiệm vụ của chủ đầu tư và tổ chức tư vấn quản lý dự án trong trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án

Nhiệm vụ của chủ đầu tư và ban quản lý dự án: Thực hiện theo quy định tại Điều 35, Mục 4, Chương III, Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

Điều 23. Quản lý vốn, giao vốn và sử dụng vốn đầu tư

1. Sử dụng nguồn vốn đầu tư theo Điều 5, Thông tư liên tịch 05/2013/TTLT-UBND-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18 tháng 11 năm 2013.

2. Công trình do cộng đồng dân cư, nhóm thợ trong xã tự làm được tạm ứng tối đa 50% kế hoạch vốn hàng năm của công trình; công trình do các doanh nghiệp thi công hình thức đấu thầu và chỉ định thầu được tạm ứng tối đa 30% kế hoạch vốn hàng năm của công trình.

3. Hằng năm, các huyện, xã ưu tiên bố trí ít nhất 30% nguồn vốn đầu tư phát triển để thực hiện đầu tư những công trình đơn giản, có quy mô nhỏ, tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng, giao cho cộng đồng, nhóm thợ trong xã thực hiện.

4. Việc giao vốn đầu tư năm sau được căn cứ vào kết quả giải ngân (khi kết thúc năm tài chính) năm trước. Đối với các đơn vị giải ngân đạt thấp sẽ bị giảm trừ theo tỷ lệ % theo tiêu chí phân bổ ngân sách của UBND tỉnh.

Điều 24. Xử lý các dự án chuyển tiếp

1. Dự án phát triển cơ sở hạ tầng: Đối với công trình đã được phê duyệt đang đầu tư dở dang hoặc đã hoàn thành tại thời điểm 31/12/2013 bằng nguồn vốn 135 giai đoạn II nhưng chưa bố trí đủ ngân sách và địa bàn đã phân định không thuộc diện đầu tư chương trình 135 giai đoạn 2012-2015 thì UBND huyện

phải báo cáo Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất: Những dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực đang triển khai dở dang thì do chủ đầu tư lựa chọn phù hợp với thực tế thực hiện. Những dự án đã được phê duyệt nhưng chưa thực hiện thì được bổ sung, điều chỉnh theo quy định hiện hành.

Điều 25. Kiểm tra, giám sát, báo cáo

1. Kiểm tra, giám sát, đánh giá:

- Căn cứ mục tiêu của Chương trình 135 và điều kiện thực tế của huyện, UBND các huyện xây dựng các chỉ tiêu đạt được theo tiến độ từng năm, từng giai đoạn và kết thúc chương trình, để làm cơ sở giám sát đánh giá kết quả chương trình trên địa bàn.

- Các cơ quan chức năng, UBND các huyện thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chương trình. Giao cho cơ quan thường trực Chương trình 135 tỉnh (Ban Dân tộc tỉnh) chủ trì đề xuất kế hoạch, nội dung kiểm tra, giúp UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và UBND các huyện tổ chức kiểm tra định kỳ, tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá về Cơ quan thường trực Chương trình 135 Trung ương (Ủy ban Dân tộc).

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, các đơn vị liên quan tạo điều kiện để HĐND các cấp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng tham gia giám sát và phối hợp giám sát thực hiện Chương trình 135.

- Ban Dân tộc: Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan đề xuất kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hằng năm, giữa kỳ và kết thúc Chương trình.

2. Chế độ báo cáo:

- Căn cứ chỉ số giám sát đánh giá kết quả thực hiện Chương trình của Ủy ban Dân tộc, UBND huyện có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện thu thập báo cáo ở cấp huyện, xã để tổng hợp báo cáo gửi Ban Chỉ đạo Chương trình. Cơ quan quản lý Chương trình 135 ở cấp huyện, xã phải có cán bộ theo dõi tổng hợp, báo cáo đáp ứng yêu cầu của Chương trình.

- Báo cáo định kỳ hàng quý, năm thực hiện theo biểu mẫu báo cáo của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP, CÁC NGÀNH

Điều 26. Cấp tỉnh

1. Ban Dân tộc tỉnh:

- Là cơ quan thường trực BCD thực hiện Chương trình cấp tỉnh, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý Chương trình;

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, hướng dẫn UBND các huyện lập kế hoạch đầu tư dài hạn và hàng năm, tổng hợp xây dựng kế hoạch vốn thực hiện từng năm và cả giai đoạn trên địa bàn tỉnh;

- Xây dựng kế hoạch vốn thực hiện các dự án, chính sách của Chương trình 135 các huyện gửi Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, thành viên BCĐ các Chương trình Mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo của tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, theo dõi, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hàng quý, hàng năm, giữa kỳ và kết thúc Chương trình theo quy định; tham mưu, đề xuất cho UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình; tham mưu giúp UBND tỉnh tổ chức kiểm tra, theo dõi, đánh giá, tổng hợp báo cáo theo quy định của tỉnh và Ủy ban Dân tộc;

- Tham mưu cho UBND tỉnh xử lý những vấn đề chuyển tiếp đảm bảo nguyên tắc khi thực hiện theo hướng dẫn mới, không làm gián đoạn hoặc chậm tiến độ thực hiện Chương trình;

- Thực hiện các nội dung khác của Chương trình 135 theo nhiệm vụ UBND tỉnh giao.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn:

- Tham mưu giúp UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn các xã, xóm thuộc Chương trình 135 và chỉ đạo điểm ở một số xã, thôn bản để rút kinh nghiệm và nhân rộng mô hình;

- Hướng dẫn các huyện lập kế hoạch, tổng hợp nhu cầu đầu tư; kiểm tra giám sát thực hiện dự án hỗ trợ PTSX trên địa bàn tỉnh; định kỳ hằng tháng, quý, 01 năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện dự án hỗ trợ PTSX trên địa bàn tỉnh gửi Ban Dân tộc để tổng hợp.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, huy động nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân hỗ trợ cho các dự án của Chương trình;

- Phối hợp với Ban Dân tộc hướng dẫn các huyện xây dựng kế hoạch đầu tư dài hạn và hàng năm; tổng hợp kế hoạch vốn thực hiện dài hạn và hàng năm trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh.

4. Sở Tài chính:

- Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán các nguồn vốn của Chương trình trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành;

- Thực hiện khảo sát, rà soát giá cả của mặt hàng trên thị trường để đưa ra thông báo giá khi có tờ trình duyệt giá của các đơn vị thực hiện Chương trình 135.

5. Kho bạc Nhà nước tỉnh:

- Hướng dẫn việc quản lý, trình tự, thủ tục tạm ứng, thanh toán vốn.

- Chỉ đạo hệ thống Kho bạc Nhà nước cấp huyện phối hợp, cung cấp số liệu giải ngân các chương trình, dự án theo yêu cầu của cơ quan thường trực Ban chỉ đạo Chương trình 135.

6. Các sở, ban, ngành liên quan: Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,... có văn bản hướng dẫn về lĩnh vực chuyên ngành mình quản lý; kiểm tra giám sát chất lượng công trình, quy hoạch, các chế độ, chính sách đề cấp huyện và cấp xã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

7. Ban Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo phối hợp với các cơ quan liên quan, Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các đoàn thể, tổ chức xã hội hướng dẫn huyện, xã triển khai nội dung Chương trình; tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án do ngành quản lý với nội dung Chương trình 135; vận động các tổ chức, cá nhân, các tầng lớp nhân dân hưởng ứng tham gia thực hiện Chương trình nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

8. Các cơ quan thông tin đại chúng ở tỉnh và huyện có nhiệm vụ tuyên truyền rộng rãi Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn để toàn xã hội cùng tham gia hưởng ứng thực hiện, kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình.

Điều 27. Ủy ban nhân dân huyện

- Trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện theo kế hoạch, đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, chống thất thoát và tiêu cực. Chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng, tiến độ, hiệu quả nội dung Chương trình 135 trên địa bàn.

- Hướng dẫn các xã lập kế hoạch đầu tư; căn cứ danh mục công trình trong quy hoạch, UBND huyện quyết định đầu tư và báo cáo với UBND tỉnh, Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch - Đầu tư.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình hằng năm và cả giai đoạn, kế hoạch dự toán kinh phí tổng thể và hằng năm báo cáo UBND tỉnh, Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

- Tổ chức huy động các nguồn lực, vận động đồng bào các dân tộc tích cực tham gia thực hiện Chương trình.

- Giao phòng Dân tộc làm cơ quan thường trực BCĐ Chương trình 135, tham mưu giúp UBND huyện quản lý, tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình.

- Giao phòng Nông nghiệp và PTNT trực tiếp chỉ đạo thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Hằng tháng, quý, năm tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT, phòng Dân tộc huyện về kết quả, tiến độ thực hiện dự án.

- Các phòng, ban chuyên môn khác phối hợp với phòng Dân tộc triển khai thực hiện Chương trình 135 theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Định kỳ hằng tháng (trước ngày 15), quý (trước ngày 15 tháng cuối quý), 6 tháng (trước ngày 15/6), 9 tháng (trước ngày 15/9) và 01 năm báo cáo kết quả thực hiện Chương trình gửi UBND tỉnh, Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Riêng phần kết quả thực hiện vốn, trước khi gửi báo cáo, yêu cầu các chủ đầu tư phải đối chiếu số liệu, có xác nhận của Kho bạc Nhà nước tại nơi mở tài khoản.

Điều 28. Ủy ban nhân dân xã


- Xây dựng kế hoạch năm và giai đoạn triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn xã; làm chủ đầu tư các dự án, công trình trong trường hợp được UBND huyện giao; làm chủ đầu tư công tác bảo trì công trình (nếu đủ năng lực, trình độ) và cam kết triển khai thực hiện đúng tiến độ, hiệu quả.

- Huy động nhân dân tham gia đóng góp nguồn lực cho Chương trình và thực hiện Chương trình theo nguyên tắc "xã được hỗ trợ đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội; đội ngũ cán bộ xã, thôn bản và cộng đồng được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực; người dân có việc làm, tăng thu nhập từ việc tham gia thực hiện Chương trình của xã".

- Kiểm tra, theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình. Định kỳ hằng tháng (trước ngày 10), quý (trước ngày 10 tháng cuối quý), 6 tháng (trước ngày 10/6), 9 tháng (trước ngày 10/9), 01 năm báo cáo kết quả thực hiện dự án với UBND huyện.

II. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai, thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Ban Dân tộc (cơ quan thường trực BCD Chương trình 135 của tỉnh) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoàng Anh